

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/9/2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HN, ngày 15/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HN, ngày 01/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thanh H, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Minh V, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ 2, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh V xác lập hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại UBND thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh V quen nhau khoảng 02 năm, rồi tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới

đã bán hết không còn. Sau ngày cưới 02 vợ chồng cùng đi đến tỉnh Bình D làm thuê Công ty gỗ, đến năm 2018 anh V bị xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến năm 2019 anh ra tù trở về quê, còn chị ở lại tiếp tục làm thuê, lúc này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm, chi tiêu tiền bạc, anh V không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không làm kiếm tiền, anh còn quen người phụ nữ khác, nhắn tin qua lại, còn chị những ngày nghỉ lễ mới về thăm chồng con 01 lần, khi gặp nhau anh V bỏ mặt, không quan tâm đến, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, không liên lạc, không gặp nhau nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh V.

- *Về nuôi con:* Chị và anh V chung sống sinh 02 người con tên Trần Minh T, sinh ngày 06/01/2014 (*đang sống với anh V*) và Trần Hương T, sinh ngày 29/6/2017 (*đang sống với chị*). Nay chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn anh Trần Minh V vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Tại biên bản ghi lời khai Trần Minh T, sinh ngày 06/01/2014 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh V, giao 02 người con cho chị H được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị H nộp án phí hôn nhân theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Trần Minh V là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ hai, anh V vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị H khởi kiện anh V yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, chị xin được quyền nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị H và anh V xác lập hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại UBND thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị H khai: Sau ngày cưới 02 vợ chồng cùng đi đến tỉnh Bình Dương làm thuê Công ty gỗ, đến năm 2018 anh V bị xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến năm 2019 anh ra tù trở về quê, còn chị ở lại tiếp tục làm thuê, lúc này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về mặt tình cảm, chi tiêu tiền bạc, anh V không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không làm kiếm tiền, anh còn quen người phụ nữ khác, nhắn tin qua lại, còn chị những ngày nghỉ lễ mới về thăm chồng con 01 lần, khi gặp nhau anh Vĩnh bỏ mặt, không quan tâm đến, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay, không liên lạc, không gặp nhau nên tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh V.

Đối với anh Trần Minh V, Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân của anh Vĩnh nhận, đồng thời Tòa án thông báo điện thoại cho anh V biết để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh V đều vắng mặt không lý do và anh cũng không gửi ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân mà chị H khởi kiện, nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần hai, anh V tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V xảy ra từ tháng 10 năm 2019 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân hơn 03 năm, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh V, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh V là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Anh V và chị H chung sống sinh 02 người con tên Trần Minh T, sinh ngày 06/01/2014 (*đang sống với anh V*) và Trần Hương T, sinh ngày 29/6/2017 (*đang sống với chị*). Nay chị H xin được quyền nuôi dưỡng 02 con khi ly hôn. Xét thấy trong thời gian sống ly thân chị H vẫn về thăm nom và chu cấp

tiền nuôi 02 con chu đáo về mọi mặt, Trần Minh T, sinh ngày 06/01/2014 sống với anh V nhưng anh V không quan tâm chăm sóc con mà phó thác cho ông bà nội nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án T có nguyện vọng sống với mẹ. Để tạo điều kiện cho 02 con có cuộc sống ổn định nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 người con cho chị H được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh V được quyền thăm và chăm sóc các con, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thanh H có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thanh H.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thanh H được ly hôn với anh Trần Minh V.

- *Về nuôi con*:

+ Chị Trần Thanh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Trần Minh T, sinh ngày 06/01/2014 và Trần Hương T, sinh ngày 29/6/2017, khi ly hôn.

+ Anh Trần Minh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Trần Thanh H nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010949, ngày 21/9/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thanh H đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Trần Thanh H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Trần Minh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND thị trấn B, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm